Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Chư Sê
Email: ubndchuse@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Ngày ký: 29.08.2019 16:36:31 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
Số: 321 /TB-UBND	*Chư Sê, ngày 29 tháng 8 năm 2019*

THÔNG BÁO
Kết quả trúng tuyển viên chức giáo viên năm 2018

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, kỳ thi tuyển viên chức giáo viên năm 2018 của tỉnh Gia Lai;

Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê thông báo các ông (bà) có tên sau đã trúng tuyển vào viên chức giáo viên tại huyện Chư Sê, trong kỳ thi tuyển viên chức giáo viên năm 2018 của tỉnh Gia Lai (*có danh sách kèm theo*).

Đề nghị các ông (bà) có tên trên liên hệ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Chư Sê, địa chỉ: số 14 đường Lê Duẩn, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê (số điện thoại: 02693.885.165) từ ngày **10/9/2019 đến hết ngày 12/9/2019** để xuất trình, bổ sung các giấy tờ cần thiết trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê ban hành Quyết định tuyển dụng và phân công công tác theo quy định, bao gồm:

- Xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên;

- Bổ sung Giấy xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện) đối với người đang làm công tác giảng dạy hoặc đã làm công tác giảng dạy phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm được tuyển dụng (nếu có); Chứng minh thư nhân dân.

Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê thông báo để các thí sinh trúng tuyển vào viên chức giáo viên năm 2018 biết, thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ T. GIA LAI

Nguyễn Hồng Linh

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Chánh VP HĐND-UBND huyện;
- Phòng GD-ĐT, Phòng Nội vụ;
- Thí sinh trúng tuyển;
- Lưu: VP, CVNC.

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN - KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN 2018

Địa chỉ dự tuyển: Ngành Giáo dục và Đào tạo Huyện Chư Sê

(Kèm theo Thông báo số: 321/TB-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê)

STT	Họ và	tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu vị trí việc làm dự tuyển			Chức danh nghề nghiệp giáo viên dự tuyển	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học			
1	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*12*	*13*	*20*
1	Đinh Thị Thúy	An		13/06/1991	Kinh	ĐHSP Mầm non	B	B	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
2	Nguyễn Nữ Lệ	Huyền		07/09/1989	Kinh	ĐHSP Mầm non	B	A	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
3	Nguyễn Thị Hồng	Ngân		22/02/1991	Kinh	TCSP Mầm non	B	ĐH	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
4	Nguyễn Thị Hồng	Hiền		08/09/1994	Kinh	TCSP Mầm non	B	A	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
5	Lê Thị Huyền	Anh		29/03/1993	Nùng	ĐHSP Mầm non	B	B	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
6	Võ Thị Bích	Thảo		20/04/1988	Kinh	TCSP Mầm non	ĐH	A	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
7	Nguyễn Thị	Trang		29/08/1989	Kinh	CĐSP Mầm non	B	A	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
8	Phan Thị Thùy	Linh		25/05/1988	Kinh	TCSP Mầm non	A	A	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
9	Lê Thị Vũ	Thuận		16/11/1993	Kinh	TCSP Mầm non	B	B	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
10	Phạm Thị	Quỳnh		15/05/1995	Kinh	CĐSP Mầm non	A	B	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
11	Rmah H'	Niên		27/07/1996	Jrai	TCSP Mầm non	A2	Cơ bản	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	

STT	Họ và	tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu vị trí việc làm dự tuyển			Chức danh nghề nghiệp giáo viên dự tuyển	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học			
13	Đinh Thị	Thư		18/09/1995	Kinh	TCSP Mầm non	B	Cơ bản	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
14	Nguyễn Thị	Bắc		14/10/1990	Kinh	CĐSP Mầm non	B	A	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
15	Nguyễn Thị Thùy	Trang		27/07/1993	Kinh	TCSP Mầm non	B	A	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
16	Cao Thị Kim	Cương		04/07/1992	Kinh	ĐHSP Mầm non	B	B	Mầm non hạng IV	V.07.02.06	
17	Rmah H'	Brin		09/12/1993	Jrai	ĐHSP Tiểu học	B	A	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
18	Nguyễn Thị Hồng	Thương		05/11/1996	Kinh	ĐHSP Tiểu học	B1	Cơ bản	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
19	Nguyễn Thị	Hường		20/03/1992	Kinh	ĐHSP Tiểu học	B	B	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
20	Nguyễn Thị	Hạnh		15/09/1992	Kinh	CĐSP Tiểu học	A	A	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
21	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		10/01/1995	Kinh	ĐHSP Tiểu học	B1	Cơ bản	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
22	Phạm Thị	Ngọc		12/08/1995	Kinh	CĐSP Tiểu học	B	A	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
23	Phạm Thị	Hoa		29/01/1996	Kinh	ĐHSP Tiểu học	B1	Cơ bản	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
24	Nguyễn Thị	Hằng		26/09/1994	Kinh	ĐHSP Tiểu học	B1	B	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
25	Nguyễn Thị Hoài	Thu		30/11/1992	Kinh	ĐHSP Tiểu học	B	B	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
26	Bùi Thị Út	Mai		15/05/1995	Mường	ĐHSP Tiểu học	B	B	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	

STT	Họ và	tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu vị trí việc làm dự tuyển			Chức danh nghề nghiệp giáo viên dự tuyển	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học			
27	Kso H'	Yet		06/06/1994	Jrai	CĐSP Tiểu học	A	A	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
28	Nguyễn Thị Mỹ	Lợi		15/10/1993	Kinh	CĐSP Tiểu học	B	Cơ bản	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
29	Nguyễn Thị	Thương		16/08/1989	Tày	ĐHSP Tiểu học	B	A	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
30	Trần Thị	Hương		20/02/1996	Kinh	ĐHSP Tiểu học	B1	Cơ bản	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
31	Đoàn Thị	Hằng		04/11/1993	Kinh	TCSP Tiểu học	B	B	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
32	Nguyễn Thị	Thủy		18/12/1995	Kinh	CĐSP Tiểu học	A2	B	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
33	Kpă H' Linh	Ka		16/04/1996	Jrai	CĐSP Tiểu học	A2	B	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
34	Rơ Ô H'	Lâm		11/01/1995	Jrai	ĐHSP Tiểu học	B	Cơ bản	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
35	Nay H'	Nhũy		11/09/1992	Jrai	TCSP Tiểu học	B	Cơ bản	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
36	Siu	Hoa		22/06/1991	Jrai	CĐSP Tiểu học	A	B	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
37	Nguyễn Thị Yến	Vân		21/01/1992	Kinh	CĐSP tiếng Anh	B	A	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
38	Nguyễn Thị	Vân		21/02/1993	Kinh	CĐSP tiếng Anh	B	A	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
39	Võ Thị	Hạ		20/06/1997	Kinh	CĐSP tiếng Anh	B	Cơ bản	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
40	Trần Thị Thu	Thủy		05/02/1989	Kinh	CĐSP tiếng Anh	B	B	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	

STT	Họ và	tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu vị trí việc làm dự tuyển			Chức danh nghề nghiệp giáo viên dự tuyển	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học			
41	Ngô Thị Kim	Ngân		12/11/1989	Kinh	CĐSP tiếng Anh	B	B	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
42	Trần Thị Thanh	Thủy		18/02/1993	Kinh	ĐHSP tiếng Anh	A2	B	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
43	Nguyễn Thị	Kiều		10/10/1989	Kinh	ĐHSP tiếng Anh	B	A	Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
44	Nhữ Thị Thúy	Dung		05/09/1989	Kinh	Thạc sĩ Toán, ĐHSP Toán	B1	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
45	Nguyễn Văn	Thịnh	12/06/1996		Kinh	ĐHSP Toán	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
46	Lê Thị Hồng	Như		11/11/1993	Kinh	ĐHSP Toán	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
47	Nguyễn Hoàng Hải	Anh		07/12/1996	Kinh	ĐHSP Toán	B	Cơ bản	THCS hạng III	V.07.04.12	
48	Nguyễn Thị	Liên		08/05/1989	Kinh	CĐSP Toán-Tin	B	CĐ	THCS hạng III	V.07.04.12	
49	Huỳnh Thị	Yến		21/11/1994	Kinh	ĐHSP Toán	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
50	Trần Nguyễn Phương	Trinh		28/12/1996	Kinh	ĐHSP Toán	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
51	Đoàn Thị	Nga		15/11/1995	Kinh	ĐHSP Toán	A2	IC3	THCS hạng III	V.07.04.12	
52	Ksor - H'	Đơ		17/05/1991	Jrai	ĐHSP Toán	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
53	Rơ Mah	Hrin	29/09/1990		Jrai	ĐHSP Toán	B	Cơ bản	THCS hạng III	V.07.04.12	
54	Nguyễn Thị	Nhàn		06/03/1991	Kinh	ĐHSP Ngữ văn	B	A	THCS hạng III	V.07.04.12	

STT	Họ và	tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu vị trí việc làm dự tuyển			Chức danh nghề nghiệp giáo viên dự tuyển	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học			
55	Phan Thị Ánh	Nguyệt		30/07/1988	Kinh	ĐHSP Ngữ văn	C	Sơ cấp	THCS hạng III	V.07.04.12	
56	Thủy Thị Kim	Loan		06/04/1989	Kinh	ĐHSP Ngữ văn	B	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
57	Trần Thị	Hoài		26/04/1987	Kinh	ĐHSP Ngữ văn	C	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
58	Vũ Kim	Dung		16/06/1991	Kinh	ĐHSP Ngữ văn	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
59	Lâm Thị	Liên		11/10/1987	Tày	ĐHSP Ngữ văn	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
60	Nguyễn Thị	Hà		04/01/1993	Kinh	ĐHSP Ngữ văn	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
61	Rcom H'	Thu		17/07/1996	Jrai	CĐSP Ngữ văn	B	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
62	Nay H'	Roanh		20/11/1991	Jrai	CĐSP Ngữ văn	A	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
63	Trần Thị Thúy	Vân		10/10/1991	Kinh	CĐSP Vật lý	A	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
64	Nguyễn Thị	Hằng		03/09/1988	Kinh	Thạc sĩ Vật lý, ĐHSP Vật lý	B1	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
65	Nguyễn Thị Hà	Ty		28/09/1996	Kinh	ĐHSP Vật lý	B1	Cơ bản	THCS hạng III	V.07.04.12	
66	Nguyễn Thị	Phương		11/04/1993	Kinh	ĐHSP Hóa học	B	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
67	Đặng Thị Huyền	Anh		10/11/1993	Kinh	ĐHSP Hóa học	C	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
68	Đoàn Thị	Hà		02/03/1993	Kinh	Thạc sĩ Hóa; ĐHSP Hóa	B1	Cơ bản	THCS hạng III	V.07.04.12	

STT	Họ và	tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu vị trí việc làm dự tuyển			Chức danh nghề nghiệp giáo viên dự tuyển	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học			
69	Lê Hữu	Nguyên	10/11/1986		Kinh	ĐHSP Sinh-KTNN	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
70	Bùi Thị	Tuyết		18/09/1995	Kinh	ĐHSP Sinh học	A2	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
71	Đào Thị Kim	Chi		19/02/1992	Kinh	ĐHSP Sinh-KTNN	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
72	Đặng Thị	Kiều		19/11/1990	Kinh	CĐSP Lịch sử	C	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
73	Đậu Thị	Mến		15/06/1990	Kinh	Thạc sĩ Lịch sử, ĐHSP sử	B1	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
74	Đặng Thị	Hiền		28/10/1990	Kinh	ĐHSP Lịch sử	B	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
75	Lò Thị Kim	Đường		04/01/1991	Thái	ĐHSP Lịch sử	B	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
76	Phạm Thị	Xuân		12/08/1989	Kinh	CĐSP Lịch sử	A	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
77	Siu H'	Lang		13/12/1992	Jrai	ĐHSP Lịch sử	B	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
78	Nguyễn Thị	Mỹ		10/01/1992	Kinh	ĐHSP Địa lý	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
79	Rơ Mah H'	Ken		16/07/1990	Jrai	ĐHSP Địa lý	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
80	Nguyễn Thị Thu	Ánh	06/06/1988		Kinh	CĐSP Địa-GDCD	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
81	Rmah	Hân		16/12/1993	Jrai	ĐHSP tiếng Anh	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
82	Nguyễn Thị Thanh	Nhật		16/01/1993	Kinh	ĐHSP tiếng Anh	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
83	Nguyễn Ngô Như	Phương		07/02/1993	Kinh	ĐHSP tiếng Anh	C	Sơ cấp	THCS hạng III	V.07.04.12	

STT	Họ và	tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu vị trí việc làm dự tuyển			Chức danh nghề nghiệp giáo viên dự tuyển	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên	Ghi chú
			Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học			
84	Đoàn Thị	Sâm		15/04/1993	Kinh	Thạc sĩ LLPPDH tiếng Anh; ĐHSP tiếng Anh	A	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
85	Hà Thị Quỳnh	Trang		14/01/1995	Kinh	ĐHSP tiếng Anh	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
86	Vũ Thị	Thuận		26/07/1996	Kinh	ĐHGD Thể chất	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
87	Trần Thị Bích	Hồng		08/10/1991	Kinh	ĐHGD Chính trị	B	A	THCS hạng III	V.07.04.12	
88	Trịnh Thị	Nhàn		09/06/1993	Kinh	CĐSP Âm nhạc	B	B	THCS hạng III	V.07.04.12	
89	Nguyễn Thị Ngọc	Hơn		17/03/1996	Kinh	CĐSP Mỹ thuật	B1	Cơ bản	THCS hạng III	V.07.04.12	
90	Tôn Thị Hồng	Sen		20/05/1990	Kinh	CĐSP Tin	B	CĐ	THCS hạng III	V.07.04.12	
91	Nguyễn Thị Thúy	Diệu		04/04/1994	Kinh	ĐHSP Tin	B	ĐH	THCS hạng III	V.07.04.12	
92	Nguyễn Hải	Truyền	12/06/1996		Kinh	CĐSP Toán - Tin	B	CĐ	THCS hạng III	V.07.04.12	

(Danh sách này có 92 người)